

Một số chỉ tiêu Kinh tế - xã hội chủ yếu tỉnh Tháng 3 và Quý I năm 2021

Chỉ tiêu	ĐVT	Tháng 3 năm 2021	Lũy kế 3 tháng năm 2021	Tháng 3 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%),(+/-)	Lũy kế 3 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%),(+/-)
1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	104,33	103,82	4,33	3,82
- Khai khoáng	"	89,39	79,83	-10,61	-20,17
- CN chế biến, chế tạo	"	106,28	112,07	6,28	12,07
- Sản xuất và phân phối điện	"	111,06	113,52	11,06	13,52
- Cung cấp nước, quản lý, xử lý rác thải	"	102,59	101,01	2,59	1,01
2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	902,6	3.165,1	17,30	12,39
3. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác	"	175,5	585,0	17,04	0,19
4. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tỷ đồng	42,6	161,1	30,59	15,97
5. Khối lượng hàng hóa vận chuyển	1.000 Tấn	183,5	672	22,63	19,14
6. Khối lượng hàng hóa luân chuyển	1.000/ Km	7.449,5	29.149	23,41	18,52
7. Số lượt hành khách vận chuyển	1.000 HK	212,4	750	45,84	14,40
8. Số lượt hành khách luân chuyển	1.000 HK/ Km	29.775,1	108.134	45,74	14,05
9. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước	%	99,47	x	-0,53	x
10. CPI tháng 12/2020 so tháng 11/2020	"	99,94	x	-0,06	x
11. CPI tháng 12/2020 so với kỳ gốc 2019	"	103,03	x	3,03	x
12. Chỉ số giá vàng tháng 12/2020 so tháng 11/2020	"	93,94	x	-6,06	x
13. Chỉ số giá Đôla Mỹ tháng 12/2020 so tháng 11/2020	"	100,27	x	0,27	x